

# TOÀN CẦU HÓA VÀ THAY ĐỔI CHÍNH TRỊ

Cao Huy Thuần\*

## **Tóm tắt**

*Để nghiên cứu về tương quan giữa toàn cầu hóa và dân chủ, bài viết đề nghị phân biệt "dân chủ hình thức" và "dân chủ kinh tế xã hội". Toàn cầu hóa có khuynh hướng làm lan rộng dân chủ hình thức nhưng đồng thời cũng có đe dọa phân chia xã hội ra làm hai thành phần, một thành phần được toàn cầu hóa biệt đãi và do đó có khả năng hưởng thụ những không gian tự do vừa được mở ra, và một thành phần bị toàn cầu hóa gạt ra ngoài lề, trở thành công dân hạng nhì, cung cấp phiếu cho các lãnh tụ, mới hoặc cũ.*

*Tuy nhiên bài viết không gạt bỏ dân chủ hình thức vì nó có khả năng đáp ứng hai đòi hỏi của thời đại mới: mở cửa và cạnh tranh. Hơn nữa, luật chơi của toàn cầu hóa là trong suốt, một sự áp dụng thông minh và sáng tạo dân chủ hình thức có thể cần thiết để dẹp bỏ tệ hại tham nhũng mà một bộ máy chính trị mờ ám dung dưỡng. Trong chừng mực đó, một liều lượng hợp lý và điều độ của dân chủ hình thức có thể giúp cho việc thực hiện nhu cầu mà thời đại mới ngày nay gọi là governance.*

Các nước Tây phương tin rằng quá trình toàn cầu hóa sẽ làm thay đổi chế độ chính trị trong các nước chuyên chế khiến các nước này trước sau gì rồi cũng phải xuôi theo trào lưu dân chủ. Trước sau gì toàn cầu hóa kinh tế cũng đưa đến toàn cầu hóa chính trị, bởi vì dân chủ và thị trường có khuynh hướng đi kèm đôi với nhau như một cặp bài trùng. Luận cứ đó ngây thơ chăng? Vững chắc chăng? Hãy biết rằng nó đang làm sống lại một tranh luận lý thuyết cổ điển đã làm sôi nổi giấy mực trong những năm 60 về tương quan giữa phát triển kinh tế và tiến bộ dân chủ: cái này phải đưa đến cái kia. Kinh nghiệm trước mắt cho thấy cái này và cái kia không nhất thiết đi đôi đi cặp với nhau. Chuyện toàn cầu hóa và dân chủ ngày nay e cũng sẽ thế chăng?

Trong bài này, tôi không có ý đi vào tranh luận lý thuyết viển vông, chỉ nói những chuyện thực tế xảy ra sờ sờ trước mắt. Chuyện thực tế

trước tiên phải nói ngay, trước khi vào đề, là chính hai chữ dân chủ. Ai cũng nói dân chủ, nhưng chắc gì người nói và người nghe cùng hiểu chữ dân chủ như nhau. Để tránh chuyện ông nói gà bà nói vịt, tôi đề nghị phân biệt dân chủ ra hai mặt, mặt hình thức và mặt nội dung. Nội dung, đây là chỗ khó đồng ý với nhau nhất, nhưng ít ra cũng có thể đồng ý rằng dân chủ chính trị nào lại chẳng có một nội dung xã hội, kinh tế. Hình thức, dễ đồng ý hơn, nhất là ở chỗ tối thiểu. Nước nào muốn nói rằng mình dân chủ đều phải nhờ cậy đến sự có mặt của cái thùng phiếu. Thật giả của cái thùng phiếu đó như thế nào là chuyện khác, nhưng không có nó thì cũng như bình dân học vụ không bắt đầu với hai chữ ừ.

Với sự phân biệt để chấp nhận đó, tôi sẽ đặt ra ba câu hỏi :

1. Toàn cầu hóa có ảnh hưởng gì đối với dân chủ xét về mặt hình thức ?
2. Toàn cầu hóa có ảnh hưởng gì đối với dân chủ xét về mặt nội dung ?
3. Khủng hoảng mà toàn cầu hóa đã gây ra ở Á châu năm 1997 đã đưa đến những cải tổ chính trị gì ?

Ba câu hỏi đặt ra cốt để suy nghĩ nhiều hơn là để trả lời.

## I

### Toàn cầu hóa và dân chủ hình thức

Không phải bỗng nhiên mà tôi phân biệt dân chủ hình thức và dân chủ nội dung. Marx đã phân biệt như vậy khi chỉ trích dân chủ Tây phương chỉ là hình thức, thực chất vẫn là giai cấp bóc lột. Tranh luận này vẫn còn giá trị của nó, nhưng thời đại mới có tranh luận mới. Vào cuối những năm 70, đầu những năm 80, một hiện tượng chính trị xảy ra tại châu Mỹ la tinh: lạ thật, hầu hết những chính thể độc tài quân phiệt đang hoành cứ tại đây bỗng nhiên rú nhau biến mất hoặc ít ra cũng thay đổi: Equateur, Nicaragua, Pérou, Argentine, Uruguay, Brésil, République Dominicaine, thậm chí cả Chili, Salvador, Paraguay, Guatemala. Lý thuyết gia, nhất là ở Mỹ, hớn hờ như gặp được mỏ vàng, đua nhau khai quật, phân tích, so sánh, lập thuyết. Danh tiếng của G. O'Donnell vang dội trong đại học với tác phẩm gồm 4 pho dày cộm tập hợp bài viết của nhiều tác giả: *Transitions from Authoritarian*

*Rule*, xuất bản năm 1986. *Chuyển tiếp từ các chính thể chuyên chính...* Áp lực nhân quyền, dân chủ khởi xướng với Carter, tiếp diễn với Reagan, coi bộ thành công mỹ mãn. Mà đâu có phải riêng gì châu Mỹ la tinh! Thành công dân chủ vang dội nhất, vẻ vang thay, lại nổ ra tại Á châu năm 1986, tại nước Phi Luật Tân đang nằm trong bàn tay sắt của nhà độc tài Marcos và dưới đôi giày của bà vợ hoa khôi Imelda. Lần đầu tiên một đối thủ của độc tài thắng cử, mà người thắng trận lại là một phụ nữ: Cory Aquino, góa phụ của một lãnh tụ đối lập bị phe Marcos bắn chết.

Mười ba năm sau đó, bức tường Bá Linh sụp đổ, cả khối Đông Âu, kể cả Liên Xô, ngã theo chiều gió dân chủ tưởng chừng thổi khắp địa cầu. Cho đến cả châu Phi chậm tiến nhất cũng tấp nập tân trang chính trị, thách thức các cao thủ độc tài, tổ chức bầu cử, bầu lên đối lập! Năm 1990, tại hội nghị thượng đỉnh Pháp-Phi họp tại La Baule, tổng thống Mitterrand hào hứng đọc một bài diễn văn lịch sử, tuyên bố chỉ viện trợ cho nước nào có cố gắng dân chủ. Đó cũng là khoảng thời gian mà tác giả Mỹ Francis Fukuyama cho ra đời quyển sách nổi tiếng của ông báo hiệu lịch sử tận thế: "*The End of History*". Lịch sử chui xuống mồ vì cuộc chiến ý thức hệ chấm dứt, trên hoàn cầu chỉ còn lại mỗi một giá trị duy nhất được chấp nhận mà thôi là giá trị dân chủ, tự do.

Trong bối cảnh toàn thắng đó của giá trị Tây phương, và trong tin tưởng hồ hởi rằng toàn thắng đó là vĩnh viễn, các lý thuyết gia về dân chủ cho ra đời một loạt khảo cứu về cái để tài bỗng nhiên thu hút hơn nam châm: *chuyển tiếp dân chủ* (transition démocratique). Vấn đề *chuyển tiếp* trở thành đề mục ưu tiên trong khoa học chính trị, thậm chí còn đẻ ra một cái tên mới cho một ngành mới: *transitology*. Dưới tên đó, một tạp chí khoa học ra đời, chứng tỏ lòng tin sắt đá của các lý thuyết gia vào viễn tượng bách chiến bách thắng của nỏ thần dân chủ.

Đến quá nhanh, lạc quan cũng khựng lại rất nhanh. Nước Nga có thay đổi, nhưng không đáp ứng đủ lòng mong mỏi của Tây phương. Nam Tư tan vỡ, chiến tranh chủng tộc bùng ra dữ dội. Nhiều nước Đông Âu không giải quyết được cùng một lúc chuyển tiếp kinh tế và chuyển tiếp chính trị. Phi châu nhanh chóng trở về lại với Phi châu trước diễn văn La Baule, công thêm trên vai, trên đầu, trên cổ chiến tranh diệt chủng. Chưa có lời tiên tri nào bị thời cuộc cắt tiết nhanh như sấm truyền của Fukuyama. Quyển sách của Guy Hermet, một tác giả tên tuổi của Pháp về đề mục chuyển tiếp, mang một nhan đề áo nào như một tiếng thở dài: "*Les désenchantements de la liberté*". Tự do mà

cũng biết "*khi tỉnh mộng lúc tàn canh...*". Chuyển tiếp vẫn còn là đề tài hấp dẫn, nhưng chuyển tiếp đến cái gì thì chẳng ai nữa dám nói là biết. Có thể chuyển tiếp đến dân chủ, mà cũng có thể chuyển tiếp đến hỗn loạn để rồi lại trở về với độc tài. Bởi vậy chữ "*démocratique*" bị cắt ra khỏi chữ "*transition*": transition thì trăm phần trăm là có – cái gì mà chẳng biến đổi? – nhưng démocratique thì chưa biết nắng mưa thế nào. *Chuyển tiếp*, do đó, được định nghĩa như một khoảng thời gian dài ngắn không lường trước được, trong đó mọi khả năng đều có thể xảy ra, tai họa cũng như ân sủng. Dân chủ là một trong những khả năng đó và chỉ trong trường hợp đó mới nói được transition démocratique.

Nhưng thế nào là dân chủ? Hầu hết các lý thuyết gia về chuyển tiếp gạt phăng mọi tranh luận về nội dung xã hội, kinh tế của khái niệm dân chủ, cho là không có ích lợi gì, chỉ làm rối rắm thêm đề tài chuyển tiếp. Đối với họ, vấn đề phải khảo sát là *như thế nào* một quốc gia đi từ chính thể này qua chính thể kia, *ai* là diễn viên chính, *quá trình* chuyển biến như thế nào, *chiến lược* dàn dựng ra làm sao, phe mới và phe cũ bắt tay hay chống đối nhau đến đâu, nhượng bộ nhau đến mức nào, thương lượng với nhau làm sao... Nói như vậy không có nghĩa là các tác giả đó không có trong đầu một khái niệm về dân chủ. Trong quan niệm của họ, dân chủ được xây dựng trên những định chế, đứng đầu là tuyển cử có cạnh tranh thực sự. Họ cùng khởi đi từ một nguyên tắc: bản chất của dân chủ là những hình thức mang tính chất định chế, và bản chất đó không thể lẫn lộn với nội dung kinh tế, xã hội nào đó. Họ gạt bỏ Marx, tất nhiên, nhưng họ cũng gạt bỏ Rousseau, ông tổ của cách mạng dân chủ ở Pháp, vì Rousseau nhấn mạnh nội dung. Họ khẳng định: dân chủ là một cấu trúc hình thức chứ không có nội dung gì nhất định, một cuộc chơi có thể mở ra cho bất cứ nội dung gì. Đó là định nghĩa của Adam Przeworski, tác giả được đề nghị viết bài tựa cho cuốn sách *Transitions From Authoritarian Rule* đã nói ở trên. Przeworski gọi quan điểm đó là dân chủ *tối thiểu*, bởi vì tối thiểu của dân chủ là khả năng chọn lựa người cầm quyền qua những tuyển cử có cạnh tranh thực sự. Nói như vậy, Przeworski không đem lại gì mới lạ so với những tác giả lừng danh trước ông: Schumpeter, Popper... Popper từng nói: dân chủ là thể chế duy nhất có thể giúp cho một xã hội loại bỏ những người cầm quyền mà không cần đổ máu. Đấu võ mồm trong nghị trường hoặc trên tivi trong một cuộc chơi có luật lệ được định chế hóa và tôn trọng là biểu hiện của một xã hội chính trị cao hơn, văn minh hơn, so với đấu võ thiệt bằng máy chém, thiên thần nhày dù, hoặc máy

bay thả bom trên Dinh Độc Lập. Chỉ có cách chấp nhận một định nghĩa tối thiểu về hình thức như thế về dân chủ thì mới có thể nghiên cứu khoa học và so sánh có lợi ích những kinh nghiệm chuyển tiếp trên toàn thế giới, từ châu Mỹ đến châu Phi, từ châu Âu đến châu Á, những kinh nghiệm mang nội dung và hoàn cảnh lịch sử khác nhau một trời một vực, không làm sao so sánh được. Đó là lập trường và lập ngôn của các lý thuyết gia chuyển tiếp, ở Mỹ cũng như ở Pháp.

Tôi có rất nhiều dè dặt về lý thuyết này, nhưng tôi nhận nó như một *phương pháp* hữu ích, để nói về vấn đề tôi đang nói - vấn đề tương quan giữa toàn cầu hóa và dân chủ. Bởi vì, đúng là xét về mặt hình thức, dân chủ lan rộng như vết dầu với trào lưu toàn cầu hóa. Trước hết, từ khi bức tường Bá Linh sụp đổ, không có mẫu mực dân chủ nào khác trên thế giới để đấu với dân chủ hình thức vốn là con đẻ của Tây phương. Một mình nó còn lại trên vũ đài, giơ cao hai nắm tay chiến thắng. Nó hạ địch thủ giống hệt như anh em sinh đôi của nó, kinh tế thị trường, hạ kinh tế kế hoạch hoá. Ngay tại các nước hồi giáo trong đó các khuynh hướng cực đoan chống đối kịch liệt những giá trị của Tây phương, mối liên hệ với dân chủ hình thức không phải là hoàn toàn bị dẹp bỏ. Không phải lúc nào các khuynh hướng đó cũng hô hào dùng bạo lực để triệt hạ các chính quyền tại chức. Có khi họ chủ trương tuyên cử và họ đã thắng tại Algérie. Đại gì mà không đòi tuyên cử khi họ thấy họ chiếm đa số dân chúng ! Đáng suy ngẫm hơn nữa là tình hình chính trị tại Iran. Quốc gia này đặt mình dưới luật lệ của Hồi giáo, nhưng chính quyền được dân bầu ra và ông Khatami, đại diện của phái cởi mở, đã được bầu lên chức tổng thống một cách thực sự dân chủ.

Thứ hai, các tinh tử đi theo chữ dân chủ đã mất tính chính đáng, hết gọi hứng, tàn lụi sinh khí lịch sử. Trong những năm 60, các chủ trương "dân chủ hướng dẫn", "dân chủ Ả Rập", "tân dân chủ" ... hãy còn mang khí phách độc lập của những dân tộc vừa đập tan xiềng xích. Ngày nay, thêm chữ gì sau chữ dân chủ chỉ làm lộ ra hình ảnh người cụt chân khập khiễng đang cầu cứu chiếc nạng. Gần đây, vài nước Á châu giương cao ngọn cờ tự chủ với khái niệm "giá trị châu Á" để biện minh cho những chế độ chính trị cứng rắn. Điều đáng suy ngẫm là tại quê hương của chủ thuyết này, tại Singapore, tuyên cử càng ngày càng có thực chất, không phải chỉ là dàn dựng. Ai dám nói hình thức, với thời gian, không dần dần trở thành nội dung ?

Do đó, thứ ba, tựa như khẩu hiệu "*làm giàu đi!*" dội vang lúc khởi đầu thời đại tư bản, toàn cầu hóa ngày nay hô to: "*dân chủ đi!*". Và

khắp nơi trên thế giới, bầu cử trở thành điều kiện bắt buộc để người cầm quyền được xem là người cầm quyền. Trước 1989, mấy khi tuyển cử có cạnh tranh diễn ra ở châu Phi ; sau đó hiện tượng này lan ra cùng khắp. Tuyển cử còn giúp dân chúng ở đây đuổi được vài tay độc tài. Sau đó, có tay trở lại chính quyền, nhưng tổ chức bầu cử trong thời gian tại chức mà bị hắt cẳng thì chẳng là mới lạ đó sao ? Trong thế giới Ả Rập cũng vậy, trừ thánh địa Arabie Saoudite. Ở đây, tuyển cử chẳng mấy khi đưa đến thay đổi, nhưng dù sao, ngay tại Jordanie, Maroc, Koweit, tuyển cử cạnh tranh cũng đã diễn ra. Tiến bộ hơn cả là châu Mỹ la tinh. Chẳng những tuyển cử đã trở thành thói quen, mà vài chính quyền, tưởng như cầm chắc thắng lợi trong tay, như Alberto Fujimori ở Pérou, vẫn bị đo ván. Về vang nhất là tuyển cử ở Mê-hi-cô năm 2000. Đảng PRI cầm quyền trong suốt 70 năm (bảy mươi năm !) đã trao quyền cho Vincent Fox, lãnh tụ đối lập thắng cử. Nhiều người nghĩ rằng biến cố lịch sử này sẽ đưa Mê-hi-cô tiến vững chắc vào thế giới những nước dân chủ, khác với tình trạng răng cưa, khi lên khi xuống, khi dân chủ khi độc tài, thường thấy trong các nước chung quanh.

Về vang thật. Nhưng ví thử giả thuyết này xảy ra đi nữa, ai muốn tìm hiểu chế độ dân chủ ở Mê-hi-cô có thể nào chỉ căn cứ trên tuyển cử, trên định chế chính trị mà không đi sâu vào điều kiện lịch sử, xã hội, kinh tế đặc thù của Mê-hi-cô ? Có thể nào không đi sâu vào nội dung, vào bản chất của mỗi chế độ ? Đặt vấn đề như thế tức là đã bước qua điểm thứ hai của bài này.

## II

### **Toàn cầu hóa và dân chủ nội dung**

Ở trên, toàn cầu hóa được đề cập dưới khía cạnh tư tưởng chính trị, ý thức hệ. Nếu xét đến ảnh hưởng của toàn cầu hóa trên nội dung xã hội, kinh tế của một chế độ chính trị nào đó, tất nhiên toàn cầu hóa về kinh tế trở nên khía cạnh chính yếu. Tôi lược qua dưới đây quan điểm đặt nặng khía cạnh này để giải thích những chuyển tiếp chính trị, nhất là ở châu Mỹ la tinh.

Câu hỏi có tính phương pháp đã được đặt ra là thế này: tại sao các nước ở đây thay đổi chế độ chính trị vào thời điểm những năm 80 chứ không phải trước đó hoặc sau đó ? Câu trả lời thú vị nhất là

thế này: bởi vì vào lúc đó châu Mỹ la tinh bị khủng hoảng kinh tế trầm trọng nhất từ thuở 1930 và khủng hoảng đó bắt buộc Nhà nước phải thay đổi sâu xa vai trò của mình. Mê-hi-cô vỡ nợ vào năm 1982, không có cách nào khác hơn là cầu viện những tổ chức tài chính quốc tế, đứng đầu là Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế và Ngân Hàng Thế Giới. Đường lối của các cơ quan này buộc thực hiện những biện pháp khắt khe: kỷ luật về ngân sách, tư hữu hóa, tự do hóa thương mại, chấm dứt thẩm quyền quy định của Nhà nước, nói chung là phải lệ thuộc những cơ chế của thị trường. Những trói buộc đó hạn chế tự do chọn lựa chính sách của cả Nam Mỹ và buộc các nước ở đó từ bỏ những mẫu mực phát triển lấy Nhà nước làm trọng tâm, đẩy mạnh sản xuất để thay thế nhập khẩu. Bắt buộc phải tuân thủ chính sách khắt khe, cắt đứt những khoản chi tiêu về an ninh xã hội, các chính quyền ở Nam Mỹ biết rằng họ phải đổi phó với những hậu quả chính trị và kinh tế đau đớn ; vì vậy chính quyền nào cũng phải bắt đầu vạch ra những hợp đồng chính trị mới, những liên kết, thỏa thuận mới giữa các phe phái chính trị để ngăn ngừa những hiểm nguy và tạo ra những không gian chính trị mới cần thiết cho việc áp dụng những biện pháp kinh tế khắt khe. Đó là những nhượng bộ mà các chính quyền tại chức bắt buộc phải nhận trên lĩnh vực định chế để tránh những va chạm xã hội do chính sách cởi mở kinh tế gây ra. Bởi vậy, không phải bỗng dưng mà sự xuống cấp về mức sống của dân chúng xảy ra đồng thời với quá trình dân chủ hóa và những hứa hẹn cải tổ xã hội. Đứng trước những đe dọa xã hội và sự bó buộc phải cải tổ tận gốc cấu trúc kinh tế, các nhà cầm quyền ở Nam Mỹ phải tìm cách tái tạo tính chính đáng của mình. Họ muốn nói thế này: bây giờ đây, chúng tôi vừa mở cửa kinh tế cho thị trường thế giới và hủy bỏ khu vực công, vì vậy chúng tôi không thể bảo đảm an ninh kinh tế cho quý vị như trước nữa, nhưng để bù lại, chúng tôi cho phép quý vị tuyển cử như quý vị đòi hỏi. Trong khi chờ đợi những kết quả khả quan của việc mở cửa kinh tế, tất nhiên quý vị phải chịu khó phấn đấu hơn nữa để đạt được an ninh cho quý vị, nhưng xin quý vị đừng tổ chức toan tính gì với nhau để thực hiện điều đó ngoài lề những tổ chức tuyển cử.

Quý vị đây là ai? Là cả tầng lớp thượng lưu lẫn tầng lớp hạ lưu, bởi vì toàn cầu hóa tạo thêm ảnh hưởng nữa là phân đôi thị trường chính trị. Những khu vực xã hội có lợi tức cao, văn hóa cao, trình độ đào tạo cao thì hội nhập cao vào quá trình toàn cầu hóa. Những khu vực này có khả năng khai thác và hưởng thụ nhiều hơn trước những tự do vừa mới mở ra trong đời sống chính trị trong khi những khu vực kém hội nhập tán vụn ra khỏi cộng đồng, chán nản, thò ơ, mất phương hướng, rơi vào hỗn tạp, tự đào thải ra khỏi những không gian tự do, dân chủ mới, sống vất vưởng trong những khu vực ngoại vi, ngoài biên giới của kinh tế toàn cầu.

Tất cả các nước châu Mỹ la tinh đều đã trải qua giai đoạn xã hội phân đôi này. Dân chủ như vậy là dân chủ gì, công dân như vậy thì bình đẳng ở đâu, cai trị với một tầng lớp thượng lưu hạn chế như vậy thì đâu là sự tham gia của quần chúng mà hai chữ dân chủ mời gọi từ trong cốt tủy? Các câu hỏi đó đã đưa đến một lập luận có tính lý thuyết: các chế độ dân chủ mới ở châu Mỹ la tinh là những "chế độ dân chủ không có tính công dân" (démocratie sans citoyenneté). Guillermo O'Donnell phỏng theo ý đó đặt tên: đó là các "chế độ dân chủ ủy nhiệm" (démocraties déléguées) khác với dân chủ đại diện như người Pháp đã học với Montesquieu từ thế kỷ 19. O'Donnell tóm tắt lập luận của ông như sau: phần đông các nước ở châu Mỹ la tinh theo chính thể tổng thống, quyền hành của các cơ quan lập pháp chẳng có bao nhiêu, đảng phái yếu ớt, chẳng có chương trình, sống nhờ ở các đường dây thuộc hạ (clientélistes); các phong trào, khuynh hướng xã hội thì nhiều nhưng vô tổ chức, có bóng mà không có hình, muốn tìm người đại diện cho mình, nói tiếng nói của mình, nhưng tìm không ra trong các đảng phái, bởi vậy họ *ủy nhiệm* một cách tiêu cực quyền của họ cho những người khác. Người nào? Thiếu gì! Thiếu gì kẻ vỗ ngực "trăm nghìn hãy cứ trông vào một ta"! Chính trị truyền thống ở châu Mỹ la tinh chẳng bao giờ thiếu *caudillos*. Một loạt *caudillos* mới nhẩy lên sân khấu: Collor di Mello ở Brésil, Alberto Fujimori ở Pérou, Carlos Menem ở Argentine... Giữa hình thức của các chế độ này với nội dung chính sách mà họ áp dụng có tương quan với nhau như thế này: họ không thể áp dụng những chương trình kinh tế khắc khổ và cải tổ cấu trúc kinh tế như ý muốn của các tổ chức tài chính quốc tế



nếu không có một quyền hành chính trị rất cứng rắn. Công dân hạ lưu, cũng như công dân thượng lưu, được tham gia tuyển cử, và tuyển cử được tổ chức tự do, đưa ra hình ảnh dân chủ đáng kính trọng. Nhưng đồng thời từng mảng lớn lãnh thổ trong những nước đó sống ngoài vòng pháp luật, từng mảng lớn công dân bị loại ra khỏi công bằng tối thiểu: đây là các công dân bị mất giá, công dân hạng nhì, công dân thuộc hạ, mà có tác giả ví với các nông dân ở miền nam nước Ý, đối tượng nghiên cứu của Gramsci trong các bài viết danh tiếng của ông trước đây về Mezzogiorno.

Tương tự khái niệm "*dân chủ ủy nhiệm*" của O'Donnell, nhiều tác giả khác cũng vận dụng những tác giả trứ danh trước đây (Weber, Schumpeter) để đưa ra khái niệm "*dân chủ thượng lưu*" (démocratie élitiste) hoặc gần đây hơn (Dahl) để bành vực khái niệm "*chế độ thiểu số cạnh tranh*" (régimes d'oligarchies compétitives): Oligarchie, thiểu số cai trị, là phản lại dân chủ, nhưng khác với thời xưa ở Âu châu, bây giờ có nhiều thiểu số và những thiểu số "thượng lưu" này cạnh tranh với nhau, đưa đến hiện tượng đa nguyên, căn bản của dân chủ. Brésil là mô hình kiểu mẫu. Nhiều nhóm lắm: nhóm tướng tá, nhóm chính trị gia dân sự, nhóm tư bản kinh doanh... Nhóm quân đội vẫn đóng vai trò then chốt, kiểm soát quá trình "chuyển tiếp". Tổng thống Tancredo Neves, dân sự, được bầu lên một cách dân chủ, nhưng ông ta thoát thai từ chế độ quân sự. Còn một nhóm nữa, không thể thiếu vắng trong bối cảnh Nam Mỹ: địa chủ. Được bầu lên năm 1985, Tancredo Neves giờ cao nắm tay hứa hẹn cải cách ruộng đất, nhưng cũng biết thụt tay lại rất nhanh khi nhóm địa chủ phản đối kịch liệt. Ruộng đất là vấn đề cơ bản ở vùng này, là đòi hỏi máu thịt của một trong những nhóm bị đào thải bạc bẽo nhất ra ngoài lề xã hội: nông dân tá điền. Ta mơ ước một chế độ dân chủ như vậy chăng ?

Về phần tôi, tôi trả lời dứt khoát: không. Thế thì tại sao ở châu Mỹ la tinh, tầng lớp trí thức như tôi, nghĩa là tìm nằm phía tả hẳn hoi trong ngực, lại chuyển hướng theo làn gió dân chủ hình thức thổi từ phương Tây ? Câu trả lời khá đơn giản: sau nhiều năm đắp chăn với độc tài, quả là chăn có rận... Từ đó mà nảy sinh ra phản ứng ngược lại: "*dân chủ không có tinh tì*" để phản bác dân chủ "xã hội", dân chủ "quần chúng" mà phe tả cách mạng đã hô hào. Trong

bối cảnh toàn cầu hóa, đại đa số trí thức ở châu Mỹ la tinh bỗng trùng phùng tao ngộ với các chuyên gia khoa học chính trị Bắc Mỹ. Yêu nhau là cùng nhìn về một phía: phía cái thùng phieu. *Transitions From Authoritarian Rule* là đứa con lý thuyết của tao ngộ này. Với dân chủ hình thức, tương tá bên hữu sẽ cút, quần chúng bên tả sẽ làm bình phong.

Tôi từ khước hình thức chẳng ? Cũng không! Không có cái vỏ, làm sao cái ruột nảy mầm ? Nội dung quyết định hình thức, tất nhiên. Nhưng hình thức cũng ảnh hưởng trên nội dung. Toàn cầu hóa buộc ta phải suy nghĩ về nội dung lẫn hình thức, bởi vì tất cả đều mới và ta cần phải làm chủ cái mới. Đây là vấn đề của người lãnh đạo ; trí thức như chúng tôi chỉ biết nhìn những kinh nghiệm ở chung quanh và trình bày một cách trung thực. Để tránh nói những chuyện lý thuyết viễn vông, tôi đề nghị lấy bối cảnh cụ thể của khủng hoảng kinh tế ở Á Châu năm 1997 để xem chung quanh chúng ta, nơi các nước bị khủng hoảng nặng nhất, một hiện tượng của toàn cầu hóa đã đưa đến những thay đổi gì về chính trị.

### III

#### **Khủng hoảng Á châu và cải tổ chính trị**

Khủng hoảng tàn phá các nước Á châu năm 1997 là khủng hoảng "kinh tế", "tài chánh". Nó tràn đến rất nhanh, không dự báo, và sức công phá của nó cực kỳ mãnh liệt. Mở đầu là đợt tấn công đầu cơ vào đồng bạc của Thái Lan vào tháng năm. Trong vài giờ, trong vài ngày, nước này trở thành tụ điểm của cơn lốc. Từ đó, bão tố thổi rốc qua các nước lân bang, không phân biệt rộng hay rần. Hồng Kông, Đài Loan, và nhất là Hàn Quốc, chưa kịp trở tay đã thành nạn nhân.

Hầu hết các nhà quan sát đều đồng ý: khủng hoảng gây ra do những thể lực đầu cơ quốc tế. Sách vở đã viết nhiều về điểm này, tôi chỉ nói ở đây khía cạnh chính trị mà thôi, ít người đã động. Trên phương diện này, ông Lý Quang Diệu có nói một câu đáng suy nghĩ: "Trong hầu hết khủng hoảng kinh tế, nguyên nhân dưới gốc

là chính trị, không phải kinh tế” [1]. Vậy thì đâu là trách nhiệm của những người làm chính trị trong khủng hoảng Á châu ? Có tác giả trả lời: ở chỗ mở cửa kinh tế mà chưa nắm vững luật chơi. Luật chơi gì ? Tác giả Pháp F. Godement cho ý kiến: “Khủng hoảng Á châu không phải bắt nguồn từ thất bại của mô hình phát triển châu Á, cũng không phải bắt nguồn từ đầu cơ tiền tệ quốc tế. Khủng hoảng đó cho thấy các nước Á châu đã thất bại trong việc đưa nền kinh tế từ một hệ thống khép [...] qua cuộc chơi của một hệ thống mở mới lạ bao gồm những quy tắc trong suốt. Tây phương đã đẩy Á châu vào tự do kinh tế. Nhưng khi đến phiên Á châu thò bàn tay vào ngọn lửa thị trường thì tay bị phỏng” [2]. Nước nào mở nhiều thì bị phỏng nhiều ; nước nào mở ít thì phỏng sơ ngoài da như Trung Quốc, Việt Nam, Miến Điện. Ý kiến của Godement không có gì độc đáo. Chỉ có một chữ đáng nói thôi: *trong suốt* (transparence). Trách nhiệm chính trị nằm ở chỗ thiếu chuẩn bị nghiêm túc để chơi luật chơi trong suốt. Ở chỗ mở cửa toang hoang cho thị trường quốc tế mà không thiết lập đủ những cơ cấu để kiểm soát, điều chỉnh những lưu lượng đầu tư và tư bản ngoại quốc.

Khuyết tật chính trị cơ cấu nào đã đưa đến tình trạng đó ? Xin kể ở đây ba mà thôi. Ba khuyết tật mà ai cũng biết, ba trộn lẫn với nhau như một, cái này dung dưỡng cái kia, tạo ra một nếp sống chính trị, một văn hóa chính trị dai như nằm vạ: *tham nhũng, phe cánh chủ nghĩa, họ hàng chủ nghĩa*. Corruption, clientélisme, népotisme. Ba khuyết tật mà dân chúng Indonesia đã phẫn nộ gọi đích danh để ném vào mặt ông Suharto trong những cuộc biểu tình chống đối: *Korupsi, Kolusi, Nepotism*. Nhà nước của ông Suharto được mệnh danh là "Nhà nước mắc bệnh ăn trộm" (Etat kleptomane): cựu tổng thống chia chác với 6 người con của ông phần lớn tài sản quốc gia. Quân đội nhúng tay đến tận nách vào những hoạt động ăn cắp của công, buôn lậu, thông đồng với các công ty ngoại quốc. Kể sao cho hết đại sự này, xin kể một chuyện nhỏ tiêu biểu chẳng ? Năm 1996, chính quyền bỗng khám phá ra được ở Kalimantan một mỏ vàng vô tận vô biên. Vừa người thấy vàng, lập tức 6 người con của tổng thống tranh nhau liên kết với các công ty mỏ, các công ty này tranh nhau chiếm độc quyền khai thác. Rất cuộc, tất nhiên phải có một công ty thắng, nhưng đây là công ty

liên kết với cha, do bồ tèo của cha là Bob Hasan và hai tổ chức nhân đạo, làm bình phong cho cha, kiểm soát. Giao kèo đã ký: phần của công ty là 30%, phần của Nhà nước là ... 10%. Chuyện tưởng thật mà hóa ra đùa ! Chẳng phải mỏ vàng mà là một mỏ lừa đảo. Cũng vô tận vô biên.

Nhiều tác giả đã mượn khái niệm *patrimonialisme* của Weber để xướng danh cho những Nhà nước ăn trộm kiểu Suharto hoặc kiểu Estrada của Phi Luật tân: đây là những *tân gia sản chủ nghĩa*. Ở Phi, tài sản và quyền hành chui vào chóp bu của cấu trúc xã hội: 5,5% những gia đình giàu nhất chiếm 44% tổng số diện tích đất đai canh tác ; 15% những gia đình giàu nhất chiếm 52,5% tài sản quốc gia. Khoảng trăm phe cánh chính trị kiểm soát toàn bộ những chức vụ dân cử trong toàn quốc. Trong số 200 dân biểu được bầu lên năm 1992 ở Hạ Viện, 145 vị có dây mơ rễ má với những phe cánh chính trị hoặc với nhóm gia đình thống trị nước này đã hàng chục năm. Nguyên tắc dân chủ là một người một phiếu ; ở Phi, một người trăm phiếu [3]. Với gia sản chủ nghĩa, người cầm quyền xem tài sản của Nhà nước như tài sản của mình, cai trị và vơ vét không có gì mâu thuẫn nhau.

Công bằng mà nói, Thái Lan có nhiều tiến bộ về dân chủ, ở cả hai mặt hình thức và nội dung, nhưng "phe cánh chủ nghĩa" vẫn là đặc trưng của nước này và đặc trưng đó đâu có xa lạ gì với tham nhũng. Ở Thái, khuyết tật đó được diễn ra dưới dạng chia chác nội các mà tình trạng đa đảng hỗn tạp dung dưỡng. Cho đến 1973, chính quyền thường do quân đội nắm, thỉnh thoảng có tuyển cử, nhưng cách thay đổi chính trị phổ thông là đảo chánh. Tháng 10 năm 1973, nửa triệu dân chúng biểu tình ở Băng Cốc ép chính quyền quân đội từ chức. Dân sự lên ngôi, nhưng vì không có đảng nào chiếm đa số, chính trường là cò kè mặc cả liên miên giữa quá nhiều chính đảng. Quyền hành lung lay, lại rơi như trái chín vào tay quân đội năm 1991. Đảo chính xong, quân đội toan củng cố quyền hành năm 1992. Dân chúng chán ngán chính phủ dân sự, không biểu tình năm 1991, nhưng sợ quân đội đùa dai, lại biểu tình nửa triệu người ở thủ đô, buộc tướng Suchinda phải nhượng bộ. Ngoặt đơn quân đội khép lại từ đấy, nhưng trò chơi liên kết vẫn cứ là môn thể thao chính trị quốc hồn quốc túy có khả năng mang lại

huy chương vàng cho vương quốc nếu được tổ chức trong SEA Games.

Tháng 7 năm 1997, nội các Chaovalit bị què quặt chân tay vì những trả giá chia chác mập mờ giữa 6 đảng tập hợp nhau trong một thể liên kết giả tạo. Ngày 3 tháng 11 năm ấy, Chaovalit từ chức với một thành tích đặc biệt: ba cái tổ chính phủ trong vòng một năm, ba bộ trưởng tài chánh từ chức, hai thống đốc ngân hàng quốc gia bị hoán chuyển. Một chính phủ như vậy làm sao đối đầu với khủng hoảng? Làm sao cưỡng lại tấn công từ bên ngoài?

Giữa vùng Đông Nam Á gần gũi của chúng ta, nắm tay thắt chặt giữa tiền bạc, quyền hành và thuộc hạ chủ nghĩa là di sản truyền thừa. "*Các chú*" ở Chợ Lớn ngày xưa, *cukongs* ở Indonesia, *Kapitan Cina* ở Mã Lai thuộc lòng điều đó từ trong trứng. Các nhà cai trị trước đây đã trao vào tay họ những đặc quyền kếch sù mà chẳng hề sợ họ đe dọa gì bởi vì họ đâu có nhắm chính trị, họ chỉ nhắm kinh tế. Truyền thống thực dân đó truyền lại cho đến nay, tạo thêm một vấn đề chủng tộc trầm trọng ở Indonesia trong các vụ trả thù đẫm máu mà người Hoa là nạn nhân.

Tham nhũng, phe cánh chủ nghĩa, họ hàng chủ nghĩa: *ba cái lãng những nó quấy ta...* Có người sẽ bẽ tôi: nếu ba cái khuyết tật đó đã nhĩm vào máu từ xưa thì làm sao chứng minh được ảnh hưởng tai hại của chúng nó trong biến cố 1997? Có gì đâu! Ai cũng thấy gió mà chẳng ai đoán bão. Ai cũng thấy gió nhưng ai cũng thần phục con diều đang bay trên cao. Kinh tế lên, mức sống lên trong tất cả các nước Á châu đến nỗi ông tổng thống Clinton phải tuyên bố rằng thời đại này là thời đại của Á châu. Đến làm ăn ở đây, khách đầu tư nào cũng phải học nháy mắt, cười nụ, để thắng cuộc trong các hợp đồng, nhưng ai cũng nghĩ nhập gia tùy tục và tục ấy không cản trở nhà này nhà nọ phất lên. Trong hồ hởi của con diều lả lướt trên cao, chủ thuyết "giá trị châu Á" ra đời, lần đầu tiên tấn công vào chính những sào huyệt giá trị Tây phương, xác quyết phép lạ châu Á là có căn bản khoa học vững chắc, tạo niềm tin của dân chúng vào những chính thể cứng rắn. Mahathir của Mã Lai ve vuốt tự hào dân tộc của ông với một hệ thống xa lộ tối tân và hai tháp cao ngất, vượt cả hai tháp chị em sinh đôi ở New York. "*Bapak Pembangunan*", "cha già của phát triển", Suharto thắng cử liên tiếp

không phải chỉ dựa trên sức mạnh đơn thuần mà thôi. Liên tiếp, Indonesia vượt qua nhiều khủng hoảng, từ những khó khăn gây ra do giá dầu hòa tụt xuống trên thế giới đến nợ lút đầu của công ty dầu hỏa Pertamina giữa những năm 70. Mỗi lần như thế, nước này lấy lại tín nhiệm nơi khách đầu tư. Tình trạng Thái Lan cũng vậy. Thiếu gì quan sát viên nghi ngờ tương lai dân chủ ở đây trước hệ thống chính đảng hỗn loạn. Thiếu gì người xốn mắt trước sự bùng nổ của *money politics* : mua phiếu để thắng cử dân biểu rồi những lạm, vo vét để hoàn tiền phí tổn. Nhưng ấy mới là phép lạ Á châu: đâu cũng vét mà đâu cũng phát ! Tây phương, với đầu óc duy lý cố hữu, hết hiểu nổi. Những tháng đầu tiên sau khi khủng hoảng 1997 xảy ra, họ vẫn còn tin rằng kinh tế Indonesia lại sẽ bung lên được và những biện pháp cứu gỡ đầu tiên của Suharto lại thúc đẩy họ lạc quan.

Đến tháng 10, con diều Indonesia bắt đầu trái gió. Ngày 8, chính quyền Jakarta cầu cứu Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế. Sau đó, tin tưởng tan rã, đồng ru-pi tuột dốc. Không phải chỉ vì những nguyên nhân kinh tế, tiền tệ mà thôi đâu. Tại vì bất lực *chính trị* trở nên lộ liễu. Tháng 12, tin đồn truyền đi rất nhanh về tình trạng sức khỏe của Suharto. Điều mà không ai có thể nghĩ đến trước tháng 7 năm ấy phút chốc vù đến như mũi tên độc: Suharto sắp nhào. Khủng hoảng kinh tế thổi bay một chế độ tưởng vững như núi.

Trong thời gian gió thổi diều lên, nụ cười, nháy mắt thay thế cho luật pháp, định chế. Thì cũng vậy, trong phong ba bão táp chính trị, điện thoại di động thay thế cho bàn giấy, công sở. Công chức cao cấp gọi nhau, chính trị gia gọi nhau, bộ trưởng gọi bộ trưởng, áp phe gọi áp phe, gọi từ nhà, từ xe, từ trên xa lộ, hẹn hò nhau tại bàn ăn, tại khách sạn, khỏi vào cơ quan. Điện thoại di động là dụng cụ của tin đồn, thiệt và thất thiệt, dụng cụ của áp lực, mặc cả, của quyết định tức tốc, chẳng cần thời gian tính toán thiệt hơn. Khi đồng ru-pi tuột dốc, khi thánh thể của tổng thống bất an, điện thoại di động thổi phồng sợi lông con khi thành hàng ngàn Tôn Hành Giả múa gậy trong không, tổng thống chưa ho đã nghe nói đeo bình ốc xy trước mũi.

Tại hại thay, điện thoại di động lại còn được tăng cường với internet. Sinh viên chống tổng thống cũng chẳng cần trụ sở, nhà in,

tổng hội gì ráo. Cũng chẳng cần chủ tịch, tổng thư ký, tên tuổi lãnh đạo để cảnh sát tóm cho dễ. Cứ mạng này nối mạng kia, võ chỗ này bồi chỗ khác, nhanh, gọn, tùy nơi, tùy lúc. Có điều không khi nói rằng đó là hình ảnh trung thực của đời sống chính trị, hành chính của nước Indonesia ở đầu thế kỷ 21, trong lúc kinh tế đã trở nên rộng rộng cộp ?

Khủng hoảng kinh tế 1997 có nhiều nguyên nhân từ bên ngoài: đúng ! Thậm chí có tác giả viết rằng Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế đã thi hành mệnh lệnh của Kho Bạc Mỹ buộc mọi thị trường phải mở cửa dù giá chính trị phải trả cao đến đâu [4]. Cũng đúng ! Nhưng đừng nói rằng nguyên nhân không nằm ở bên trong. Nguyên nhân giống nhau nằm ở bên trong như nhau nơi nhiều nước ; có điều là cường độ bùng nổ ở Indonesia cao hơn cả vì quyền hành tập trung thái quá vào tay một lãnh tụ độc đoán và một gia đình rìa Nhà nước như quạ rìa thây. Sự tập trung quyền hành đó có thể cần thiết để ổn định kinh tế và Nhà nước vào những năm 70. Cũng sự tập trung đó trở thành thừa thãi, tạt sát khi kinh tế mở ra mà không có bộ máy chính trị tráng kiện, lành mạnh để điều tiết, kiểm soát.

Thế nào là bộ máy chính trị tráng kiện, lành mạnh ? Tôi không dám bàn vấn đề rộng lớn đó ở đây, chỉ xin nhắc đến một khái niệm nở rộ gần đây trong sách vở, kể cả sách vở ở Pháp vốn không ưa gì những từ lai Mỹ: *gouvernance*. Khi kinh tế mở cửa, người Pháp nói: coi chừng, các nước nào không có *bonne gouvernance* sẽ bị toàn cầu hóa xoi tái. *Bonne gouvernance* không phải là *bon gouvernement*. Cái này có thể đưa đến cái kia, nhưng chữ *gouvernance* rộng hơn, khái quát hơn, do đó mơ hồ hơn, khó định nghĩa hơn. Khái niệm này được đề nghị để áp dụng trong mọi không gian chính trị - xã hội - hành chính từ rộng đến hẹp - quốc tế, quốc gia, đơn vị hành chính... - và không phân biệt khu vực công hay tư, Nhà nước hay xí nghiệp. Nếu bắt buộc phải thu gọn vào một câu, tôi tạm dùng để nghị của một tác giả xem *gouvernance* như là những kỹ thuật cần phải sáng tạo ra trong mọi cấp bậc xã hội để đáp ứng với những vấn đề càng ngày càng phức tạp và với những tác nhân mỗi lúc một khác nhau, nhằm thay thế những biện pháp chỉ huy cũ, đã lỗi thời, bằng những phương cách phối hợp và hội nhập mềm dẻo hơn, và như thế cốt đạt cho được một hiệu quả lớn hơn và, hơn thế nữa,

một sự ủng hộ nhiệt thành hơn của đối tượng quần chúng nhắm đến [5].

Ở trên tôi có nói: nước nào nằm trong tụ điểm của toàn cầu hóa tiền tệ thì bị sưng mặt nhiều hơn cả. Như vậy đáng lẽ Singapore bị đòn nặng lắm. Sao không thấy thương tích gì trầm trọng? Giống như các nước chung quanh, thị trường chứng khoán và bất động sản ở đây bị sụt giảm nhanh chóng và nghiêm trọng. Nhưng chỉ trong một thời gian rất ngắn, từ cuối 1997 đến đầu tam cá nguyệt 1999, sinh hoạt trong hai thị trường đó lại tăng lên nhanh chóng. Tỷ số thất nghiệp cũng vậy, tăng nhanh rồi giảm nhanh. Dân chúng tin ở luận cứ của nhà cầm quyền: hai năm khó khăn kinh tế là hậu quả truyền nhiễm từ các nước chung quanh chứ không phải phát ra từ trong gan ruột. Ai cũng biết chính quyền Singapore thuộc loại "cứng rắn" tiêu biểu. Nhưng không phải chính quyền cứng rắn nào cũng làm được chuyện mà Singapore đã làm: chiếm được lòng dân chúng, tạo ra được lòng tin vào tính cách chính đáng của chính quyền hiện hữu. Không phải chính quyền cứng rắn nào cũng đưa lợi tức của mỗi đầu người lên 30.000 đô-la, cao hơn con số nơi rất nhiều các nước Âu châu giàu có hiện nay. Trên hết, và đây là điều tôi muốn nói, Singapore là nước duy nhất ở Á châu không có tham nhũng. Kỷ luật ở đây là kỷ luật sắt, nhưng sắt thép áp dụng cho cả chính quyền chứ không phải dành riêng cho dân. Singapore không dân chủ theo tiêu chuẩn của Tây phương, nhưng chẳng miệng Tây phương nào dám nói Singapore không có *bonne gouvernance*.

Tôi không nói Singapore là mẫu mực. Nhưng tôi đề cao Singapore ở đây như một nước không có bùn lầy của tham nhũng thối nát. Toàn cầu hóa là một mạng nhện trao đổi mệnh mông dưới trăm ngàn hình thức. Nếu những trao đổi đó được thực hiện dưới nước đục, chẳng ai thấy, chẳng ai biết, chẳng ai kiểm soát, chẳng ai cảnh giác, mấy con cò béo tha hồ rúc rĩa chủ quyền quốc gia. *Trong suốt* là điều kiện không thể không có được để mở cửa cho khách hàng vào ra mà không sợ kẻ trộm rình luôn cả lư hương trên bàn thờ.

Nghiệm cho cùng, dân chủ hình thức cũng là một phương pháp để thực hiện trong suốt. Trong chùng mực đó, nó tăng cường sự hiệu nghiệm của chính quyền. Sự hiệu nghiệm của chính quyền,



đến lượt nó, tăng cường sự tin tưởng nơi dân chúng. Sự tin tưởng của dân, rốt cuộc, tạo nền tảng cho tính chính đáng của chính quyền. Bằng cách này hay cách khác, không chính quyền nào không tạo tính chính đáng cho chính mình. Bởi vì, thiếu tính chính đáng, chính quyền sẽ chỉ là bạo quyền. Cho nên không phải bỗng dưng mà *trong suốt* trở thành khẩu hiệu của *reformasi* ở Indonesia sau khủng hoảng 1997 : khủng hoảng làm hiện nguyên hình chính quyền Suharto là bạo quyền. Cũng không phải bỗng dưng mà Thái Lan bầu lên chính phủ đầu tiên trong lịch sử không phải là một chính phủ liên kết: liên kết cho đến nay là biểu hiện chính trị của *mờ ám*.

Xin nói chuyện Indonesia trước. Khủng hoảng kinh tế đã đưa đến khủng hoảng chính trị, và bởi vì cả hai khủng hoảng đều diễn ra dưới sức ép cực kỳ quyết liệt của đòi hỏi cải tổ, một đảng là của Quĩ Tiên Tệ Quốc Tế, một đảng là từ dân chúng phần nộ, Indonesia không có con đường nào khác để ra khỏi tử lộ ngoài con đường dân chủ hình thức. Mở rộng không gian chính trị, quét dọn sạch sẽ Nhà nước, hạn chế vai trò của quân đội, chia sẻ quyền hành giữa trung ương và địa phương, mở cửa kinh tế: năm vấn đề đầu sôi lửa bỏng đòi hỏi giải pháp tức tốc nơi các người kế vị Suharto. Kết quả là gì ? Hai khả năng đều có thể xảy ra: hoặc khủng hoảng kinh tế là bà mẹ của cải cách chính trị, hoặc khủng hoảng kinh tế là độc dược vật chết hài nhi trong thai. Người lạc quan thì nói: Indonesia là thành công tiêu biểu của toàn cầu hóa trong việc mở rộng của dân chủ hình thức. Cơ cấu chính trị của chế độ độc tài được từ từ tháo gỡ. Hiến pháp được tu chính, thể hiện cạnh tranh chính trị. Lần đầu tiên trong hơn 40 năm, nước này tổ chức được một cuộc bầu cử quốc hội tự do, trung thực vào tháng 6 năm 1999. Bốn mươi tám đảng lớn nhỏ, đại diện cho mọi khuynh hướng chính trị, tôn giáo, kể cả một đảng do người gốc Hoa thành lập, đã tham gia tuyển cử mà không gây bạo lực. Luật được biểu quyết để ngăn chặn tình trạng đa đảng bừa bãi: chỉ còn 6 đảng có đủ điều kiện để tham gia tuyển cử năm 2004. Vai trò chính trị và hành chính của quân đội dần dần chấm dứt. Trên hết, luật chống tham nhũng được ban hành và ủy ban điều tra tài sản của gia đình Suharto đã hoạt động. Ngày 7-3-2002, ông chủ tịch quốc hội Akbar Tandjung, đồng

thời là chủ tịch đảng Golkar trị vì trước đây, bị cảnh sát bắt và tòa án thẩm vấn về việc cầm nhầm một món tiền không nhỏ, hơn 4 triệu euro, của một cơ quan Nhà nước mà ông là giám đốc năm 1999.

Bước đầu dân chủ như vậy chẳng là đáng khích lệ lắm sao ? Vậy mà vẫn lắm người ái ngại. Trước hết, quyền lợi phe phái nhằng nhịt như địa đạo sau lưng các đảng phái mọc lên như nấm, rất dễ giết chết một hài nhi dân chủ vừa lọt lòng. Thứ hai, ông phù thủy Gus Dur không trị nổi con ma mờ ám vì đảng ông không đủ vị thế trong quốc hội, vì chính quyền dân sự vẫn phải e dè uy thế của quân đội, vì chính ông không đủ cương quyết. Ông pha nhiều nước quá trong ly rượu *reformasi* về lắm việc: về số phận Suharto, về tự trị địa phương, về công bố những hắc ám của chế độ cũ, về những dự án cải tổ Nhà nước... Ông lại không đủ sạch sẽ như người ta tưởng, dính líu với nhiều xì căng đan, trong đó có món quà vài tỷ ru pi của quốc vương Brunei. Người dân có cảm tưởng Nhà nước vẫn chưa thay đổi gì mấy, thậm chí dư luận còn nghi rằng Gus Dur có tư thông với tầng lớp lãnh đạo của chế độ cũ. Chính trường Indonesia có điểm tốt là râu ria quá khích chưa mọc trên má của các chính đảng hồi giáo trong quốc hội, nhưng sự phát triển của "dân quân tự vệ" hồi giáo nhằm thay thế Nhà nước thanh lọc thuần phong mỹ tục trong xã hội hoặc tấn công các tiệm buôn người Hoa không phải là dấu hiệu đáng khích lệ cho chính quyền dân sự trong quá trình tư hữu hóa quốc gia hiện tại.

Thay đổi chính trị ở Thái Lan có phần tốt đẹp hơn. Rút kinh nghiệm từ những nhược điểm cố hữu, ba mục tiêu cải cách được nêu ra rõ ràng: dân chủ, trong suốt và *governance*.

Trên giấy tờ, dân chủ được cải thiện và phát huy bằng nhiều biện pháp. Một hiến pháp mới được ban hành, thiết lập một Ủy ban bầu cử độc lập, hợp lý hóa và trách nhiệm hóa các chính đảng, thanh trừng các dân biểu quen thói thay đảng như thay áo lót, tổ chức chính sách phân quyền cho các địa phương, khuyến khích dân chúng đề ra những dự án luật và khởi tố các bộ trưởng tham nhũng, thành lập một ủy ban độc lập để theo dõi việc tôn trọng nhân quyền...

Các biện pháp đó cũng đồng thời nhắm đến thực hiện trong suốt. Nhưng hơn thế nữa, trong suốt là cái đích của nhiều sáng kiến khác: các bộ trưởng phải khai lợi tức trước và sau khi nhậm chức; thời gian xuất hiện trên truyền hình và trên đài phát thanh của các đảng được một Ủy ban độc lập phân phối; một Ủy ban độc lập chống tham nhũng ra đời; tổ chức quyền được thông tin của người dân, ngăn ngừa việc mua bán phiếu trong khi bầu cử...

Cuối cùng, *gouvernance* trở thành khẩu hiệu. Ở mức độ Nhà nước cũng như trong các cơ sở kinh doanh, *gouvernance* được xem như chìa khóa mở cửa hiện đại. Chính phủ vạch ra 5 nguyên tắc để đạt *gouvernance*: pháp trị, trong suốt, trách nhiệm, hiệu quả, tham gia việc chung.

Trên đây chỉ là tóm tắt vài biện pháp đặc trưng của cải tổ chính trị. Tất nhiên, trên giấy tờ, nói dễ hay. Làm mới khó. Luận về kết quả cụ thể, có người nghiêm khắc cho rằng những tệ nạn cổ truyền ở Thái đã in sâu vào tập tục, tẩy không đi. Họ nói thêm: dân chúng vẫn chưa tin đã vượt qua khủng hoảng. Tất nhiên chẳng ai ngây thơ đọc thành tích trên các văn bản lập pháp, lập quy, hoặc trên các bài diễn văn. Dù sao đi nữa, ít nhất có hai chuyện đáng nói ở Thái từ sau khủng hoảng 1997. Một, là đảng Thai Rak Thai, lần đầu tiên trong lịch sử, nắm đa số trong quốc hội, chấm dứt tình trạng liên kết bùn lầy, đầu mối của móc ngoặc, chia chác, tham nhũng. Lần đầu tiên, các triều đại chính trị khét tiếng ở nông thôn bị thất cử. Hai, là xã hội dân sự trở nên sống động. Chính dân chúng tạo nên sức ép trên quốc hội để sửa đổi hiến pháp. Với 16 phiếu chống mà thôi, các chính đảng phải bơi theo ngọn triều đổi mới. Chính cơ quan chống tham nhũng - độc lập - điều tra và khám phá một vụ khai gian lợi tức liên quan đến nhân vật số 2 của chính phủ, Sanan Kachornparasart, phó thủ tướng kiêm bộ trưởng quốc phòng. Khai gian một món tiền kếch sù, nhân vật này bị cấm giữ bất kỳ chức vụ chính trị nào trong vòng 5 năm, chuyện khó xảy ra trước đây. Ủy ban bầu cử - độc lập - cũng hoạt động hữu hiệu dưới sự ủng hộ của dân chúng. 78 trên 200 thượng nghị sĩ được bầu trong tuyển cử tháng 3 năm 2000 bị truất ghế vì gian lận, phần đông thuộc những gia đình tài phiệt trong đó có phu nhân của nhân vật Sanan vừa nói. Quần chúng còn tích cực tham gia việc chung hơn nữa bằng

cách ký thỉnh nguyện thư. 50.000 người đã ký một thỉnh nguyện như vậy để buộc chính phủ thanh trừng một xì căng đan to tướng nổ ra vào tháng 3 năm 1998 liên can đến việc gian lận mua bán thuốc men; bộ trưởng y tế phải từ chức. Một vụ gian lận khác về việc buôn bán gỗ cũng bị khám phá. Trước đe dọa của một thỉnh nguyện thư khác, thứ trưởng bộ canh nông từ chức. Quần chúng còn sử dụng quyền được thông tin để kiểm soát những biên bản chính thức liên can đến những vấn đề rất tế nhị trong xã hội như việc tuyển nhận sinh viên vào những trường danh tiếng. Một sinh viên thiếu may mắn đã đòi quyền được thông tin như thế và nhờ đó chính phủ mới ra chỉ thị cấm các trường công danh tiếng nhận con nhà giàu với phong bì rùng rinh trong tay. Uy vũ như quân đội mà cũng phải nhượng bộ trước sức ép của xã hội công dân: tháng 6 năm 1999, quân đội phải công bố tóm tắt bản báo cáo về vụ thảm sát những người biểu tình chống chính quyền năm 1992. Một báo cáo 600 trang đã được công bố vào tháng 5 trước đó nhưng quần chúng chưa bằng lòng vì không nói tên của những sĩ quan và chi tiết điều động lính tráng để đàn áp. Một đài kỷ niệm được dựng lên để tỏ lòng dân chúng biết ơn những nạn nhân của vụ nổi dậy chống chính quyền quân đội năm 1973. Những nhân vật dân sự từng tranh đấu cho dân chủ (Puey Ungphakorn, Pridi Banomyong...) được dân chúng tỏ lòng ngưỡng mộ trong những dịp lễ tang hoặc tưởng niệm. Các nhân vật danh tiếng như cựu thủ tướng Anand Panyarachun, các nhà khoa học tên tuổi, các chuyên gia kinh tế đóng góp tiếng nói và khả năng của mình trong những hội thảo về *gouvernance*. Tinh năng động của xã hội công dân vừa chớm nở sau 1997 là sắc thái đặc biệt nhất cho phép người ở bên ngoài không mất tin tưởng nơi tương lai dân chủ của nước này dù cho trở lực vẫn còn dai dẳng lắm.

Nhưng ai là "xã hội công dân"? Cho đến khủng hoảng 1997, giới kinh doanh, thương nhân vẫn còn là nền tảng xã hội của chế độ Suharto bởi vì "Tân Trật Tự" của ông đặt tính chính đáng trên khẩu hiệu "phát triển quốc gia". Cuối 1997, cơ nguy phá sản toàn diện khiến giới trung lưu nói chung rút bè, rút phao. Cũng như giới trung lưu, dân chúng nghèo ở thành thị và nông dân ở thôn quê bỗng thấy mức sống tụt dốc, toàn thể xã hội trở thành nạn nhân của

khủng hoảng. Thế nhưng trong đám người biểu tình trường kỳ ở Jakarta, nòng cốt không phải là dân nghèo sống trong những ổ chuột mà là sinh viên, con cái giới trung lưu, và viên chức bàn giấy, tư sỏ, giới mà người Pháp, người Anh Mỹ gọi là "cổ áo trắng". Cũng vậy, ở Thái Lan, dân xuống đường lúc đầu khủng hoảng để chống chính phủ Chaovalit là giới trung lưu, trong bọc không có súng lục nhưng có điện thoại di động. Giới này, lúc đầu vẫn ủng hộ Chaovalit. Họ không chống các chính quyền làm được việc. Nhưng khủng hoảng đã làm họ thấy hiểm nguy của những chính quyền đã không làm được việc mà lại còn gạt họ ra khỏi chính trường để chia chác, vơ vét trong bụng bí mờ ám của thối nát. Cũng giới trung lưu ấy nâng chế độ, cũng giới trung lưu ấy hạ chế độ. Tương lai dân chủ ở Thái Lan tùy thuộc nhiều lắm ở tính năng động của "xã hội công dân", "xã hội công dân" lại tùy thuộc nhiều lắm ở sự chọn lựa đường đi của giới trung lưu. Tùy ở bản chất của giới trung lưu trong mỗi nước, dân chủ có thể đến mà cũng có thể hững hờ đi qua.

\*\*\*

Bài này chỉ có mục đích nêu lên những vấn đề mới của thời đại để cùng nhau suy nghĩ. Chúng ta bắt buộc phải đi vào toàn cầu hóa vì không có cách nào khác. Luật chơi mới là mở và cạnh tranh. Trong suốt là bài học phải học. Kinh nghiệm Indonesia cho thấy: nước nào không chuẩn bị để học bài học đó trong ổn định đã phải học dưới sức ép và trong hỗn loạn. *Bonne gouvernance* là đề tài mới hợp với mọi chính thể, nghĩa là hợp cho sự thảo luận có lợi ích trong mọi chính thể. Nếu khéo áp dụng, và áp dụng sát với thực tế lịch sử trong mỗi nước, không bắt chước ai, cũng không nô lệ một mẫu mực nào, dân chủ hình thức có thể giúp ích cho *gouvernance*.

\* Giáo sư Đại Học Amiens,  
Giám đốc Centre de recherche universitaire sur la construction  
européenne (CRUCE), Pháp.

### **Chú thích :**

Tài liệu chính của bài này được lấy từ: *Asie du Sud-Est : fractures économiques et recomposition politique*, số chuyên đề của *Revue Internationale de Politique Comparée*, vol.8, n°3, Hiver 2001. Số đặc biệt này là một trong những cố gắng tổng hợp hiếm hoi đầu tiên đề cập đến khía cạnh chính trị của khủng hoảng Á Châu 1997.

Tạp chí này cũng dành một số đặc biệt cho : *La démocratisation en Asie (Revue Internationale de Politique Comparée, vol. 2, n° 2, Sept. 1995)*. Bài được tham khảo trong số này là của James A. Cohen, *Quelle démocratie ? Perspectives critiques sur les transitions démocratiques en Amérique latine*.

Cũng của tác giả này, bài viết: *La science politique face aux transitions à la démocratie en Amérique latine*, trong cuốn sách : *Amérique latine, démocratie et exclusion*, do J. Cohen, H. Hirata et L. Gomez xuất bản, L'Harmattan 1998.

Tạp chí *Revue d'Etudes Comparatives Est-Ouest* ra một số chuyên đề về: *La transition politique en Asie orientale* (vol. 28, n° 3, 1997). Số này gồm nhiều nghiên cứu có giá trị đã giúp ích cho bài viết của tôi.

Trong số đặc biệt của *Revue Française d'Administration Publique* dành cho Á châu, n° 98, Avril-Juin 2001, bài của François Raillon được tham khảo: *L'Etat indonésien face à la crise: de la banqueroute à la réforme*.

Về toàn cầu hóa và dân chủ nói chung, bài của Zaki Laïdi: *Mondialisation et démocratie (Politique Etrangère, n° 3, Juillet-Septembre 2001)* đã giúp tôi một gợi ý khi phân biệt *la démocratie comme procédure et la démocratie comme culture*, nhưng từ gợi ý đó, tôi đã xa tác giả và đến gần hơn với J. Cohen vừa nói ở trên.

Quyển sách nói nhiều trong bài là: P. Schmitter, G. O'Donnell, L. Whitehead (eds): *Transitions from authoritarian Rule*, 4 vol. John Hopkins Press, 1986. Bài của Adam Przeworski trong đó có nhan đề: *Problems in the study of the transition to democracy*.

Nhan đề đầy đủ của cuốn sách của Guy Hermet là: *Les Désenchantements de la liberté. La sortie des dictatures des années 90* (Fayard 1993). Đây là một trong những quyển sách cần đọc của tác giả này về vấn đề chuyển tiếp.

Điểm [1] ghi trong bài về câu nói của ông Lý Quang Diệu là lấy từ: *Revue Internationale de Politique Comparée*, Hiver 2001, trang 372.

Điểm [2] về ý kiến của F. Godement là lấy từ : François Godement, *Dragon de feu, Dragon de papier. L'Asie a-t-elle un avenir ?* (L'Harmattan, 1998), trang 117.

Điểm [3] là lấy từ : *Revue d'Etudes Comparatives Est-Ouest* đã nói ở trên, trang 194.

Điểm [4] lấy từ bài của F. Raillon đã nói ở trên.

Điểm [5] về *gouvernance* lấy từ: Jacques Chevallier trong cuốn sách tập thể: *La gouvernabilité*, CURAPP, PUF, 1996, trang 10-11.